

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HS-ST
Ngày 28 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Kim Loan và ông Phạm Thiên Viết.

- Thư ký phiên tòa: Bà H' Ra Chen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Trúc L (tên gọi khác: **M**), sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Tổ 18, khu P, thị trấn L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: Ấp P, xã V, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn L1 và con bà Nguyễn Thị L2; có chồng là Nguyễn Văn T (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/01/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 13 (mười ba) năm tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2023/HS-ST ngày 06/01/2023. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước về hành vi phạm tội trong vụ án khác - Có mặt.

Các bị hại:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972;

- Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Bon J, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông – Đều có mặt.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 9, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 131, đường P, tổ 2, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Những người làm chứng:

- Anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 47/11 đường L, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Anh Võ Văn Trúc L3, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 495/5 đường T, phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Bùi Văn K, sinh năm 1975;

- Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Thôn 01, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Nguyễn Thế Q1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Bon J, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

(Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2021, anh Nguyễn Đình K và Nguyễn Thị Trúc L đến quán cà phê của gia đình anh Nguyễn Văn T ở tổ 02, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông chơi. Tại đây, L đã gặp và làm quen với chị Nguyễn Thị H là người quen của anh T. Chị H kể cho L nghe việc em trai của mình là Nguyễn Thế Q đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Đức khởi tố về tội cướp tài sản, gia đình Nguyễn Thế Q1 có nhu cầu làm hồ sơ bệnh án tâm thần cho Q1 để được miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Nghe vậy, L giới thiệu với chị H là mình có thể làm được hồ sơ bệnh án tâm thần cho Nguyễn Thế Q1 và cho chị H số điện thoại để liên lạc. Sau đó, giữa L và chị H liên lạc với nhau, trao đổi chi phí làm hồ sơ bệnh án tâm thần là 450.000.000 đồng được chị H đồng ý nên cả hai thống nhất gặp nhau tại quán cà phê của gia đình anh Nguyễn

Văn T để đưa trước số tiền 200.000.000 đồng, số tiền 250.000.000 đồng còn lại sẽ đưa khi L làm xong hồ sơ bệnh án tâm thần cho Q1.

Ngày 08/01/2021, anh K điều khiển xe ô tô (chưa xác định được biển số) chở L đến quán cà phê của gia đình anh T ngồi cùng bàn với anh T, anh Nguyễn Văn D, chị Lê Thị T nói chuyện mua bán đất đai. Lúc sau, chị H đến quán thì L và chị H đi sang một bàn khác nói chuyện, thỏa thuận thêm về nội dung L làm hồ sơ bệnh án từ 01 tháng đến 03 tháng, nếu làm không được thì L trả lại số tiền, nếu làm được thì chị H sẽ giao đủ số tiền còn lại. Sau đó, chị H đưa cho L số tiền 200.000.000 đồng. Do, chị H không biết chữ nên đã nhờ anh T viết 01 giấy biên nhận thể hiện việc giao nhận tiền giữa L với chị H với nội dung là để lo công việc. Anh Nguyễn Văn T viết xong, L và chị H cùng ký vào bên giao, nhận tiền, anh T ký người làm chứng rồi giao tờ giấy cho chị H cất giữ. Sau khi, chị H đi về, L cho anh T 25.000.000 đồng và nhờ anh D mang số tiền 150.000.000 đồng nộp vào số tài khoản 100854346868 của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, đứng tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Trúc L. Sau đó, anh K và L ra về, trên đường về L cho anh K 19.000.000 đồng để lắp màn hình trên xe ô tô, số tiền còn lại L chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Ngày 19/5/2021, do cần tiền tiêu xài nên L gọi điện thoại cho chị H đề nghị chuyển khoản cho L số tiền 16.600.000 đồng để L lo chi phí phát sinh trong quá trình đi lại làm hồ sơ bệnh án vì tình hình dịch Covid-19. Tin lời của L, chị H đã chuyển số tiền 16.600.000 đồng vào số tài khoản 100854346868 của Nguyễn Thị Trúc L.

Ngày 01/11/2021, L thuê anh Võ Văn Trúc L3 điều khiển xe ô tô biển số 51G-617.70 chở đến nhà Nguyễn Thế Q1 thuộc bon J, xã Q, huyện Tuy Đức để gặp Q1 (lúc này Nguyễn Thế Q1 đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh) và chị H yêu cầu đưa thêm 100.000.000 đồng. Do gia đình Nguyễn Thế Q1 chưa chuẩn bị đủ số tiền theo yêu cầu nên hẹn L vào ngày hôm sau giao. Ngày 02/11/2021, chị Nguyễn Thị Ngọc N (là vợ của Nguyễn Thế Q1) giao cho L số tiền 60.000.000 đồng, còn số tiền 40.000.000 đồng hẹn giao sau. Tuy nhiên, hai bên vẫn lập giấy viết tay giao nhận số tiền 100.000.000 đồng, nội dung thỏa thuận đến thời điểm vụ án đưa ra xét xử nếu L làm được hồ sơ bệnh án tâm thần thì gia đình sẽ giao đủ số tiền còn lại 150.000.000 đồng.

Khi hai bên vừa giao dịch xong thì anh Bùi Văn K và anh Nguyễn Văn Q đến nhà chị Nguyễn Thị Ngọc N chơi. Tại đây, L nói chuyện với anh Q biết được Nguyễn Văn M cũng là bị can trong vụ án với Nguyễn Thế Q1 nên L giới thiệu cho anh Q biết mình làm được hồ sơ bệnh án tâm thần để miễn, giảm trách nhiệm hình sự với chi phí là 450.000.000 đồng thì được anh Q đồng ý. Sau đó, anh Q cung cấp thông tin cá nhân của Nguyễn Văn M cho Liễu, đồng thời đưa cho L số tiền

200.000.000 đồng, hai bên lập giấy nhận tiền với mục đích giao dịch là để lo công việc, nếu L làm được hồ sơ bệnh án tâm thần cho Nguyễn Văn M trước ngày vụ án đưa ra xét xử thì anh Q sẽ giao số tiền còn lại là 250.000.000 đồng, nếu không có hồ sơ bệnh án tâm thần thì trong thời hạn 03 tháng phải trả lại số tiền đã nhận. L viết xong, L và anh Q cùng ký vào bên giao nhận tiền, đồng thời nhờ anh Bùi Văn K là người ký làm chứng rồi giao tờ giấy cho anh Q giữ.

Ngày 04/11/2021, anh Võ Văn Trúc L3 tiếp tục chở L đến nhà chị N để yêu cầu đưa số tiền 40.000.000 đồng. Lúc này, gia đình chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Nguyễn Văn Q nghi ngờ bị lừa đảo nên trình báo Công an. Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức, Nguyễn Thị Trúc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tổng số tiền L đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H là 216.600.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc N là 60.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Q là 200.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 28/CT-VKS-TĐ ngày 08/6/2023, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M), về tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra và thừa nhận Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M) phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M) từ 10 năm đến 11 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về xử lý vật chứng: 01 bản gốc Giấy giao nhận tiền đề ngày 08/01/2021; 01 bản gốc Giấy giao nhận tiền đề ngày 02/11/2021; 01 bản gốc Giấy nhận tiền (không ghi ngày) và 01 hóa đơn nộp tiền là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị hại anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 170.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu trả lại số tiền là 30.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H yêu cầu trả lại số tiền là 191.600.000 đồng. Bị cáo đồng ý trả lại cho các bị hại số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 170.000.000 đồng,

chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền là 30.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền là 191.600.000 đồng.

Đối với số tiền 19.000.000 đồng L cho anh Nguyễn Đình K để mua màn hình gắn trên xe ô tô và nhờ anh Nguyễn Văn D đi nộp số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của L, tuy nhiên anh K và anh D không biết số tiền trên do L phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với số tiền 25.000.000 đồng L đưa cho anh Nguyễn Văn T theo lời khai của L là tiền công môi giới. Quá trình điều tra, anh T khai nhận số tiền này, khi L cho anh T thì anh T nghĩ là tiền công làm chứng cho giao dịch mua bán đất đai giữa L và chị H, anh T không biết L và chị H giao dịch để làm hồ sơ bệnh án tâm thần. Chị H cũng thừa nhận anh T không biết việc chị và bị cáo có thỏa thuận làm hồ sơ bệnh án tâm thần. Sau khi phát hiện sự việc anh T đã tự nguyện đem số tiền 25.000.000 đồng đến trả lại cho gia đình chị N. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành đối chất giữa L với anh T nhưng không làm rõ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Đình K và anh Võ Văn Trúc L điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Thị Trúc L đến nhận tiền của chị H, chị N, anh Q. Tuy nhiên, anh K và anh L3 không biết mục đích giao dịch của L, không có vai trò đồng phạm nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo rất hối hận và không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 08/01/2021 đến ngày 04/11/2021 trên địa bàn huyện Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Nguyễn Thị Trúc L đã đưa ra thông tin gian dối rằng mình có thể làm được hồ sơ bệnh án tâm thần để chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H số tiền 216.600.000 đồng,

chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 60.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Q số tiền 200.000.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Thị Trúc L chiếm đoạt là 476.600.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M) phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là làm được hồ sơ bệnh án tâm thần để chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Hà (hai lần), chị Nga và anh Quân (một lần) nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại anh Q số tiền 30.000.000 đồng, chị N số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét đề giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[6] Về hình phạt: Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với số tiền lớn nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một

thời gian dài thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện trả cho chị N số tiền 30.000.000 đồng và trả cho anh Q số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền gồm: Anh Nguyễn Văn Q yêu cầu trả lại số tiền 170.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu trả lại số tiền là 30.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H yêu cầu trả lại số tiền là 216.600.000 đồng và trừ số tiền 25.000.000 đồng anh T đã trả lại cho vợ chồng chị N nên chị H chỉ yêu cầu bị cáo trả số tiền 191.600.000 đồng. Bị cáo đồng ý trả lại số tiền trên cho các bị hại nên cần ghi nhận và buộc bị cáo phải trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 170.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền là 30.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền là 191.600.000 đồng. Còn việc anh Nguyễn Văn T được bị cáo cho số tiền 25.000.000 đồng nhưng đã tự nguyện trả lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc N nên không đề cập giải quyết.

[8] Về việc xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 bản gốc Giấy giao nhận tiền đề ngày 08/01/2021; 01 bản gốc Giấy giao nhận tiền đề ngày 02/11/2021; 01 bản gốc Giấy nhận tiền (không ghi ngày) và 01 hóa đơn nộp tiền là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[9] Đối với số tiền 19.000.000 đồng bị cáo cho anh Nguyễn Đình K để mua màn hình gắn trên xe ô tô và nhờ anh Nguyễn Văn D nộp số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của bị cáo. Tuy nhiên anh K và anh D không biết số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với số tiền 25.000.000 đồng bị cáo đưa cho anh Nguyễn Văn T theo lời khai của bị cáo là tiền công môi giới. Quá trình điều tra, anh Trọng khai nhận số tiền này nghĩ là tiền công làm chứng cho giao dịch mua bán đất đai giữa bị cáo với chị H. Mặt khác, anh T không biết bị cáo và chị H giao dịch để làm hồ sơ bệnh án tâm thần cho anh Nguyễn Thế Q1, chị H cũng thừa nhận anh T không biết việc chị và bị cáo có thỏa thuận làm hồ sơ bệnh án tâm thần. Sau khi phát hiện sự việc anh T đã tự nguyện đem số tiền 25.000.000 đồng đến trả lại cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Ngọc N. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã tiến hành điều tra, đối chất nhưng không làm rõ được vai trò đồng phạm của Nguyễn Văn T với hành vi phạm tội của bị cáo L nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Đình K và anh Võ Văn Trúc L3 điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Thị Trúc L đến nhận tiền của chị H, chị N, anh Q. Tuy nhiên, anh K, anh L3 không biết mục đích giao dịch của bị cáo, không có vai trò đồng phạm nên không đề cập giải quyết.

[10] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M) phạm tội: *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M) **11** (mười một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M) phải trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 170.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi triệu đồng*), chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), chị Nguyễn Thị H số tiền là 191.600.000 đồng (*một trăm chín mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Gồm 01 bản gốc Giấy giao nhận tiền đề ngày 08/01/2021; 01 bản gốc Giấy giao nhận tiền đề ngày 02/11/2021; 01 bản gốc Giấy nhận tiền (không ghi ngày) và 01 hóa đơn nộp tiền là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Trúc L (M) phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 19.580.000 đồng (*mười chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CA huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Bị cáo; các bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Nhu